



VIETFUND
MANAGEMENT

ĐIỂM TIN THÁNG 12.2014

Được phát hành vào ngày 15/01/2015



MỤC LỤC

Kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán Tháng 12/2014

Kinh tế vĩ mô

Thị trường chứng khoán

Tình hình hoạt động và đầu tư của Quỹ

Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VFMVF1)

Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng Đầu Việt Nam (VFMVF4)

Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFMVFA)

Quỹ đầu tư Trái phiếu Việt Nam (VFMVFB)

Quỹ ETF VFMVN30 (E1VFN30)

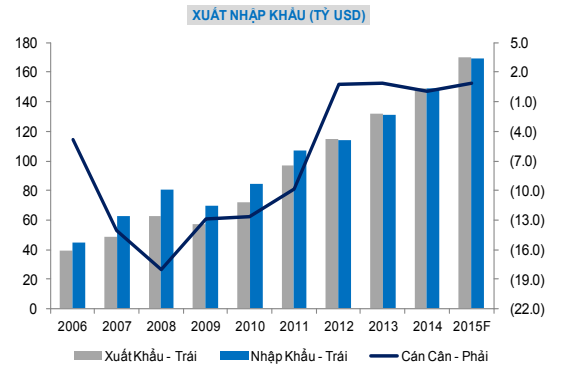
KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

KINH TẾ VĨ MÔ

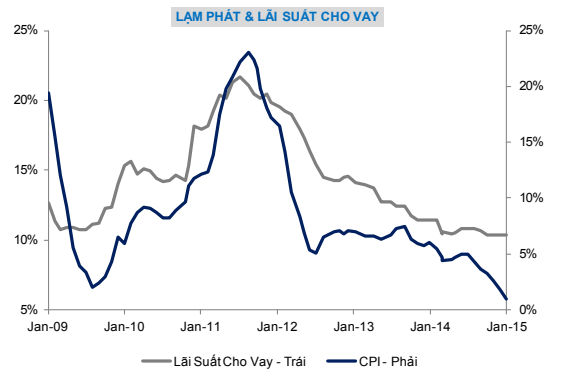
THÂM HỤT THƯƠNG MẠI NHẸ

Số liệu điều chỉnh của xuất nhập khẩu đã giảm phần xuất siêu kỷ lục 2 tỷ USD xuống chỉ xuất siêu nhẹ 100 triệu USD do nhập khẩu của tháng 12 tăng mạnh hơn số sơ bộ. Tuy nhiên, hoạt động xuất nhập khẩu vẫn duy trì xu hướng tích cực nhờ vào các đơn hàng xuất khẩu tiếp tục tốt đến từ các thị trường xuất khẩu chính Mỹ, Nhật, và Châu Âu. Xuất khẩu ghi nhận tăng trưởng khá 9,7% trong tháng Một, đạt 12,9 tỷ USD nhờ vào tăng trưởng tốt hơn của khu vực kinh tế trong nước nhưng xuất khẩu dầu giảm mạnh 30% do giá dầu giảm. Tuy nhiên, nhập khẩu đã tăng nhanh hơn với 35,5% so với cùng kỳ năm trước, làm cán cân thâm hụt đến 500 triệu USD do tăng nhập khẩu ô-tô, thép, phân bón và hóa chất, và linh kiện điện tử. Tình trạng nhập siêu này không đáng lo ngại khi nhập khẩu vẫn giảm nhẹ so với tháng trước. Điều này nên được xem như hệ quả của tăng trưởng sản xuất công nghiệp trong nước và sự quay lại của nhu cầu nội địa.



LẠM PHÁT THẤP HƠN KHI GIÁ DẦU GIẢM

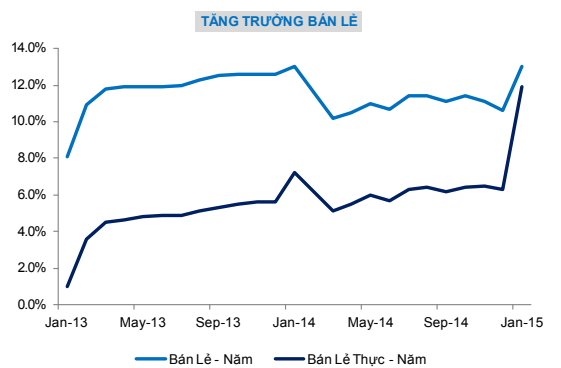
Giá cả tiếp tục ổn định và giảm nhờ giá hàng hóa thấp và giá dầu giảm. Hai đợt cắt giá xăng dầu liên tục trong tháng 12 và tháng Một đã ảnh hưởng tích cực đến giá các loại sản phẩm và dịch vụ khác, đặc biệt là nhà ở và vận tải. Theo đó, chỉ số giá tiêu dùng giảm 0,2% trong tháng Một, đưa chỉ số tính theo năm xuống mức 0,94% so với 5,46% của một năm trước đó.



Lạm phát của tháng Hai sẽ tiếp tục thấp và sẽ ổn định cho phần còn lại của năm. Do đó, chỉ số giá tiêu dùng sẽ đạt 3%-4% trong 2015, giúp ngân hàng nhà nước tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng. Thêm vào đó, lo ngại về giảm phát cũng giảm bớt khi các số liệu cho thấy nhu cầu trong nước đang quay trở lại.

NHU CẦU TRONG NƯỚC QUAY TRỞ LẠI

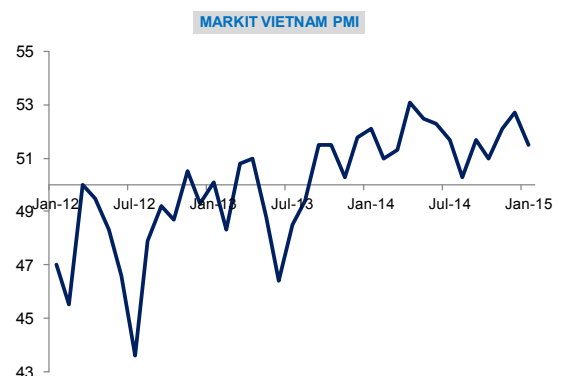
Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng tốt trong tháng đầu năm với mức tăng trưởng 11,9% (đã điều chỉnh lạm phát), cao hơn nhiều so với 7,2% trong tháng 1/2014. Nhu cầu trong nước tăng lên khi mùa Tết đến khi giá trị hàng hóa và dịch vụ bán lẻ tăng 2,2%.



Theo đó, nhu cầu hàng may mặc, hàng thiết yếu, và thực phẩm tăng mạnh trong khi dịch vụ du lịch không được tốt với doanh thu của ngành đều giảm ở hai thành phố lớn.

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP TIẾP TỤC TĂNG

Hoạt động sản xuất có thêm động lực với việc đơn hàng xuất khẩu tiếp tục tốt đến từ các thị trường xuất khẩu chính và sự quay lại của nhu cầu trong nước khi chỉ số nhà mua hàng (PMI) ở trong vùng mở rộng suốt 16 tháng. PMI ghi nhận mức 51,5 trong tháng Một, thấp hơn 52,7 của tháng 12 nhưng vẫn cho thấy xu hướng mở rộng của sản xuất. Thêm vào đó, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng mạnh 17,5% so với cùng kỳ năm trước do mùa tết không rơi vào tháng Một năm nay. Tuy nhiên, việc sản xuất tăng vẫn đến từ hoạt động tăng cao của các nhà máy điện tử trong bức tranh tổng thể tích cực của sản xuất.



Vốn FDI đăng ký trong tháng Một đạt 0,7 tỷ USD, trong đó 91,3% đi vào các dự án sản xuất và lắp ráp. Trên nền tảng này, sản xuất sẽ tiếp tục tốt trong những tháng sắp tới của năm.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THÁNG 1- 2015

CỔ PHIẾU NGÂN HÀNG GIÚP THỊ TRƯỜNG PHỤC HỒI

Tháng đầu tiên của 2015 khép lại với chốt lờn và áp lực điều chỉnh của các nhóm cổ phiếu. Kết thúc tháng Một, VN-Index đóng cửa tại 576,07 điểm, tăng 30,44 điểm, tương đương tăng 5,58% so với cuối tháng 12. Khối lượng giao dịch tiếp tục sụt giảm, đạt gần 2,23 tỷ cổ phiếu giảm 14,88% so với tháng 12 trong khi giá trị giao dịch đạt 38,1 ngàn tỷ đồng giảm 21,44% so với tháng 12-2014.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng trở lại vị thế dẫn dắt, tạo động lực giúp thị trường phục hồi mạnh. Bên cạnh đó sự trở lại của nhóm cổ phiếu dầu khí cũng góp phần tạo lực đẩy cho thị trường. Kết quả kinh doanh quý 4-2014 đã bắt đầu được các công ty niêm yết công bố giữa tháng 01-2015, với nhiều tín hiệu lạc quan cũng giúp cho những cổ phiếu này giao dịch khởi sắc hơn.

Tuy nhiên, dòng tiền vào thị trường vẫn hạn chế. Đầu tháng 2-2015, Thông Tư 36 chính thức được áp dụng, ảnh hưởng hoạt động cho vay đầu tư cổ phiếu, đã tác động một phần vào giao dịch trong tháng 1 vừa qua khi các công ty chứng khoán dần thu hồi các khoản cho vay đầu tư chứng khoán để đưa mức dư nợ cho vay về mức an toàn. Bên cạnh đó tâm lý bán chứng khoán để giữ tiền mặt cho Tết của các nhà đầu tư cũng là điểm khó khăn cho dòng vốn vào thị trường.

Dòng tiền chủ yếu tập trung vào những cổ phiếu của các nhóm ngành ngân hàng, bất động sản, xây dựng, dầu khí. Những cổ phiếu giúp VN-Index tăng điểm gồm có: BID (giúp VN-Index tăng 1,4%), GAS (+1,28%), VCB (+1,09%), VNM (+0,89%). Ngược lại những cổ phiếu làm VN-Index giảm HPG (làm VN-Index giảm 0,25%), PVD (-0,22%), KDC (-0,09%), HSG (-0,05%) và SSI (-0,04%).

NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI MUA RÒNG Ở SÀN SÀI GÒN VÀ BÁN RÒNG SÀN HÀ NỘI

Trên sàn Hồ Chí Minh, nhà đầu tư nước ngoài đã mua ròng tháng thứ hai liên tiếp về khối lượng và giá trị với 98 tỷ đồng. Tuy nhiên, khối nước ngoài lại tập trung bán ròng trên sàn Hà Nội hơn 227 tỷ đồng. Trên sàn Hồ Chí Minh, những cổ phiếu được nhà đầu tư nước ngoài mua ròng mạnh là MWG (272 tỷ đồng); CNG (65 tỷ đồng); VHC (52 tỷ đồng); GAS (47 tỷ đồng); DXG (43 tỷ đồng), trong khi đó lại bán ròng mạnh các cổ phiếu KDC (362 tỷ đồng); KBC (159 tỷ đồng); PVD (153 tỷ đồng); CSM (52 tỷ đồng); HPG (46 tỷ đồng).

Tháng Một là tháng hút vốn ròng của 2 quỹ ETF nước ngoài với giá trị rút vốn lên đến 25,5 triệu USD: Quỹ Market Vector Vietnam ETF được rút vốn tổng cộng 18,7 triệu USD trong khi Quỹ FTSE Vietnam cũng được rút vốn 6,7 triệu USD.

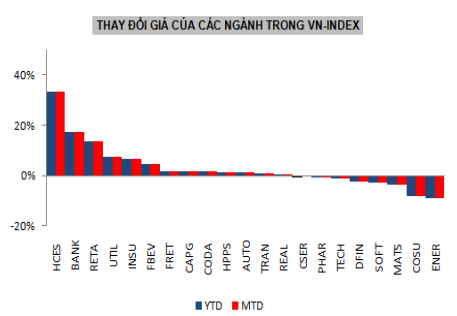
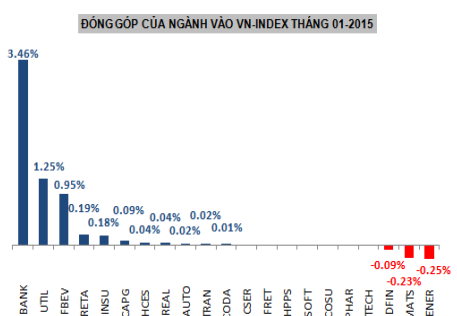
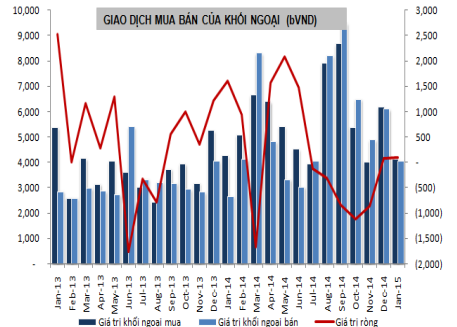
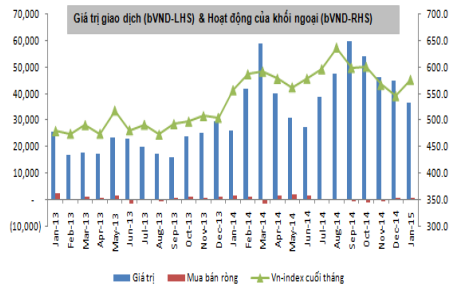
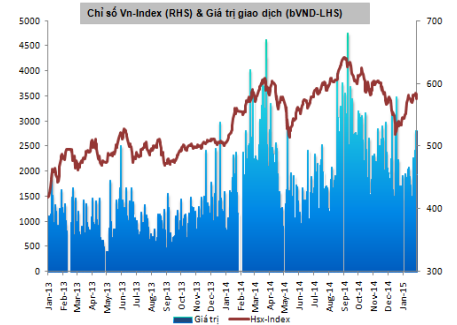
Các công ty chứng khoán đã có 3 tuần mua ròng trong tháng, mua ròng hơn 117 tỷ đồng. Danh mục mua vào trong 3 tuần đầu tiên tập trung vào những cổ phiếu vốn hóa lớn trong khi đó lại bán ra những cổ phiếu vốn hóa vừa và những cổ phiếu đầu cơ, tuần cuối cùng họ mua trở lại những cổ phiếu vốn hóa vừa và những cổ phiếu đầu cơ khi nhóm cổ phiếu này đã điều chỉnh giá trị suốt 3 tuần trước đó.

THỊ TRƯỜNG THÁNG 2-2015 GIAO DỊCH THẤP VỚI TÂM LÝ NGHĨ LẼ

Tháng Hai thường là tháng giao dịch không tích cực vì tháng này có kỳ nghỉ tết nguyên đán dài nên sẽ có những động thái rút vốn ra khỏi thị trường cộng thêm việc thu hồi các khoản nợ cho vay đầu tư chứng khoán sẽ ảnh hưởng đến dòng tiền cho thị trường chứng khoán.

Bên cạnh đó vẫn có những tín hiệu tích cực từ bất động sản, với hàng loạt chính sách hỗ trợ thị trường bất động sản, nhóm cổ phiếu này có khả năng song hành cùng với nhóm cổ phiếu ngân hàng dẫn dắt thị trường trong thời gian tới. Nhóm cổ phiếu ngân hàng dù đã có nhịp tăng khá dài nhưng có thể vẫn chưa phải là cái đích cuối cùng. Nhóm cổ phiếu chứng khoán đã có một năm 2014 hoạt động khởi sắc, nhưng ngược lại mặt bằng giá của nhóm cổ phiếu này chưa tăng đáng kể, vì thế cổ phiếu chứng khoán cũng sẽ được quan tâm đến trong thời gian tới.

BIỂU ĐỒ



QUỸ ĐẦU TƯ VF1

Tháng 1 - 2015

THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVF1
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VND
Ngày bắt đầu hoạt động	20/05/2004
Ngày chuyển đổi sang quỹ mở	08/10/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Standard Chartered Bank VN.
Đại lý chuyển nhượng	Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)
Đại lý phân phối	ABS, HSC, FPTTS, KIS, MSBS, SBS, SSI, VCBS, VSC, VCSC, VDSC, VND, VFM
Phí quản lý	1.95%/NAV/năm
Phí phát hành	Từ 0.2% đến 1% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0% đến 1.5% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0.2% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	Hàng ngày (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	Tái tục đầu tư

Tổng NAV (tỷ VNĐ)	879.6
Số lượng CCQ đang lưu hành	41,213,960.3
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ)	23,973.6
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ)	19,164.2
Tỷ lệ chi phí (%)	2.3
Vòng quay tài sản 12 tháng (%)	79.5

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ VFMVF1 tìm kiếm lợi nhuận dài hạn từ tăng trưởng vốn gốc và thu nhập thông qua việc đầu tư vào danh mục cân bằng và đa dạng gồm các loại chứng khoán vốn, trái phiếu chuyển đổi, chứng khoán nợ trên thị trường Việt Nam.

Trong điều kiện bình thường, Quỹ sẽ duy trì mục tiêu phân bổ đầu tư khoảng 20% NAV vào chứng khoán nợ và tiền, 80% vào chứng khoán vốn. Cổ phiếu được lựa chọn theo phương pháp bottom-up, dựa trên mô hình kinh doanh, lợi nhuận dài hạn, giá trị tài sản, tiềm năng dòng tiền ổn định, và chất lượng của đội ngũ quản lý. Trong một số trường hợp, Quỹ có thể thay đổi tỷ lệ phân bổ tài sản giữa cổ phiếu và trái phiếu ở mức +/-10% NAV so với tỷ trọng mục tiêu nhằm nắm bắt tốt nhất cơ hội tăng trưởng hoặc giảm thiểu rủi ro cho danh mục đầu tư.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

Thị trường chứng khoán nửa đầu tháng 1 phục hồi trở lại với đà tăng điểm liên tục dẫn dắt bởi cổ phiếu ngành ngân hàng rồi đi ngang trong nửa tháng còn lại. Kết thúc tháng 1 VNIndex tăng 5.6% kể từ đầu năm, trong đó ngành Ngân hàng tăng đến 17.2%, giúp VNIndex tăng 3.5%. Kể từ đầu năm VF1 đã giải ngân một cách thận trọng vào ngành Ngân hàng, đến cuối tháng 1 ngành chiếm 6.4% NAV so với 22.3% của VNIndex, nên tăng trưởng của VF1 nhìn chung vẫn thấp hơn thị trường, đạt 2.8% kể từ đầu năm 2015.

Cổ phiếu ngành dầu khí cũng có sự phục hồi nhẹ, khi giá dầu có dấu hiệu chạm đáy và hồi phục, đồng thời với việc các công ty như GAS, PVD đưa ra quyết định mua lại cổ phiếu quỹ đã góp phần hỗ trợ cho giá thị trường. Nổi bật trong danh mục là cổ phiếu GAS tăng 9%, đóng góp 18% vào lợi nhuận từ đầu tư của danh mục trong tháng.

Cổ phiếu ngành Thực phẩm cũng đóng góp đáng kể vào kết quả đầu tư, nổi bật là VNM nhờ vào sự cải thiện của tỷ suất lợi nhuận trong bối cảnh giá nguyên liệu giảm. Giá VNM cũng đã tăng xấp xỉ 9% trong tháng 1, đóng góp 17% vào lợi nhuận đầu tư.

Điểm sáng của danh mục trong tháng 1 là khoản đầu tư vào cổ phiếu JVC với tăng trưởng hơn 50%, đóng góp 62% vào lợi nhuận đầu tư. JVC vừa hoàn tất việc huy động 750 tỷ đồng để mở rộng các mảng đầu tư liên kết thiết bị y tế và khai phá mạnh hơn mảng xe khám lưu động, kỳ vọng sẽ đem lại tăng trưởng cao và bền vững cho công ty.

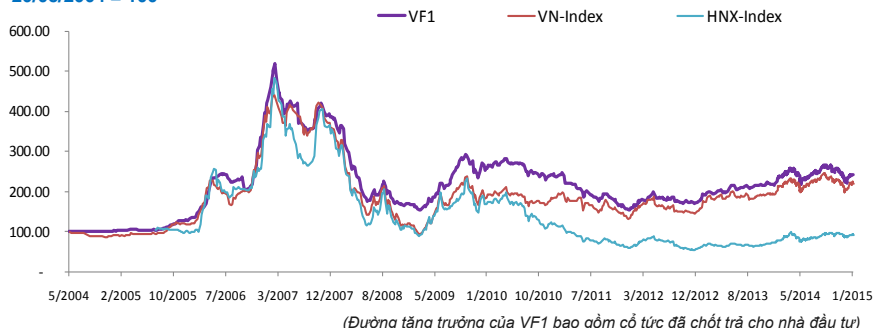
Ở chiều ngược lại, giá cổ phiếu HPG, thuộc ngành Vật liệu giảm mặc dù công ty có kết quả kinh doanh ấn tượng trong năm 2014 (+60% về lợi nhuận so với 2013). Tuy nhiên, những lo ngại về thị trường thép gặp khó khăn trong năm 2015 do giá giảm mạnh và gia tăng cạnh tranh cộng với sự thiếu hụt của phần đáng kể thu nhập không thường xuyên từ dự án Bất động sản Mandarin nên áp lực bán cổ phiếu HPG trên sàn khá lớn. Chúng tôi vẫn đánh giá HPG là doanh nghiệp hiệu quả, dẫn đầu về thị phần tiêu thụ thép trong nước, cùng các cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu, mở rộng năng lực sản xuất, hoạt động cốt lõi của HPG sẽ vẫn tăng trưởng tốt trong các năm tới.

THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế 12 tháng	Lũy kế từ khi hoạt động (20/5/2004)
VFMVF1	21,342.5	2.8	(7.0)	2.8	1.5	113.4
VN-Index	576.1	5.6	(4.1)	5.6	3.5	120.2
HNX-Index	85.6	3.1	(2.8)	3.1	15.3	n/a

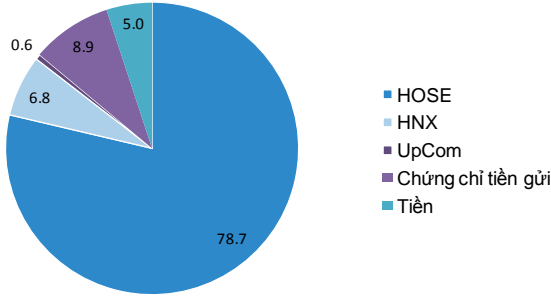
TĂNG TRƯỞNG NAV SO VỚI TĂNG TRƯỞNG INDEX

20/05/2004 = 100



(Đường tăng trưởng của VF1 bao gồm cả tức đã chốt trả cho nhà đầu tư)

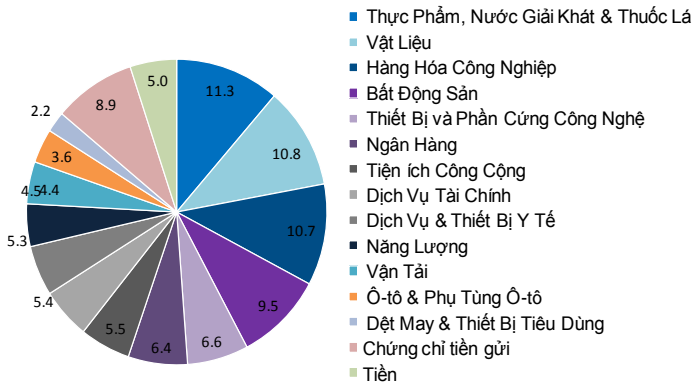
CƠ CẤU DANH MỤC THEO TÀI SẢN (%NAV)



5 CP CHIẾM TỶ TRỌNG LỚN

Cổ phiếu	Nhóm ngành	Sàn giao dịch	% NAV
HPG	Vật Liệu	HOSE	6.8
FPT	Thiết Bị và Phần Cứng Công Nghệ	HOSE	6.6
VNM	Thực Phẩm, NGK & Thuốc Lá	HOSE	5.8
REE	Hàng Hóa Công Nghiệp	HOSE	5.6
GAS	Tiện ích Công Cộng	HOSE	5.5

CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH (%NAV)



ĐẶC TRƯNG DANH MỤC ĐẦU TƯ

	VF1	VNIndex
P/E trung vị	10.9	10.7
P/E	9.9	13.5
P/B trung vị	1.8	1.0
P/B	1.7	1.9
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE (%)	18.9	13.7
Tỷ suất sinh lời của cổ tức (%)	3.8	4.0
Số lượng cổ phiếu	34	306

(Nguồn: VFM và Bloomberg)

CÁC GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

Tài sản đầu tư	Giới hạn
Tiền và tương đương tiền	49% TTS
Tài sản phát hành bởi nhóm công ty có quan hệ sở hữu	30% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	20% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	10% GTLH
Cổ phiếu/Trái phiếu chuẩn bị niêm yết/ĐKGD	10% TTS
Tổng hạn mục đầu tư lớn (từ 5%TTS trở lên)	40% TTS

(TTS: Tổng giá trị tài sản của Quỹ; GTLH: Tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành; ĐKGD: Đăng ký giao dịch)

CHỈ SỐ RỦI RO

	VF1	VNIndex
Hệ số Beta	1.0	1.0
Độ lệch chuẩn (%)	19.4	17.2
Hệ số Sharpe	(0.2)	(0.0)

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVF4
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VND
Ngày bắt đầu hoạt động	28/02/2008
Ngày chuyển đổi sang quỹ mở	16/12/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Deutsche Bank AG - Tp.HCM
Đại lý chuyển nhượng	Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)
Đại lý phân phối	ABS, HSC, FPT, KIS, MSBS, SBS, SSI, VCBS, VCSC, VDSC, VND, VFM
Phí quản lý	1.93%
Phí phát hành	Từ 0.2% đến 1% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0% đến 1.5% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0.2% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi.
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	Thứ Tư hàng tuần (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	Tái tục đầu tư

Tổng NAV (tỷ VND)	369.7
Số lượng CCQ đang lưu hành	39,716,688.8
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VND)	10,901.6
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VND)	8,584.2
Tỷ lệ chi phí (%)	2.5
Vòng quay tài sản 12 tháng (%)	101.5

Bà Phan Thị Thu Thảo - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu của Quỹ VFMVF4 là tìm kiếm lợi nhuận dài hạn từ tăng trưởng vốn gốc và cổ tức thông qua việc đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản của nền kinh tế Việt Nam. Các doanh nghiệp đầu tư là các doanh nghiệp giá trị lớn đã và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Quỹ sử dụng phương pháp phân tích cơ bản làm nguyên tắc đầu tư chủ đạo nhằm thẩm định tiềm năng tăng trưởng, tính bền vững và rủi ro của các khoản đầu tư.

Tỷ trọng đầu tư vào chứng khoán vốn của Quỹ VF4 có thể đạt tới 100% tổng tài sản của Quỹ. Ngoài ra, để tạo sự linh hoạt trong việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư cũng như gia tăng giá trị các khoản tiền nhàn rỗi trong ngắn hạn, Quỹ VF4 cũng có thể đầu tư vào các loại chứng khoán nợ. Trong điều kiện bình thường, tỷ trọng các tài sản khác với chứng khoán vốn (như tiền và tài sản tương đương tiền, chứng khoán nợ...) không vượt quá 20% tổng tài sản của Quỹ.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

Cùng với đà hồi phục của thị trường trong tháng 1 năm 2015, NAV/ccq của VF4 đã tăng 3.7%, đóng góp từ hầu hết các ngành đang nắm giữ như Ngân hàng, Bất động sản, Thực phẩm và Thiết bị y tế.

Án tượng nhất là khoản đầu tư thực hiện mua quyền mua cổ phiếu JVC hiện đã có tăng trưởng trên 50%. Năm 2015, từ số vốn huy động được là hơn 750 tỷ đồng dự kiến đầu tư mở rộng các mảng đầu tư liên kết thiết bị y tế, xe khám lưu động kỳ vọng sẽ đem lại tăng trưởng cao và bền vững cho công ty.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng có tăng trưởng khá bất ngờ trong tháng 1 phần lớn do dòng tiền nước ngoài làm lực đẩy thu hút sự chú ý của các nhà đầu tư. VF4 nắm giữ gần 10% NAV các cổ phiếu ngân hàng, chủ yếu là các ngân hàng lớn nửa quốc doanh cũng được hưởng lợi từ tăng trưởng chung của ngành. Tuy nhiên, do tỷ trọng cổ phiếu ngân hàng trong danh mục VF4 chỉ bằng 1/2 tỷ trọng trong VNIndex, tăng trưởng của VF4 có phần thấp hơn chỉ số VNIndex. Để tránh rủi ro cho danh mục, VF4 sẽ thận trọng trong việc lựa chọn cơ hội đầu tư từ cổ phiếu ngân hàng, đặc biệt là thời điểm đầu tư để đảm bảo hiệu quả hơn là chạy theo cảm tính thị trường.

Với các cổ phiếu liên quan đến dầu khí cũng có sự phục hồi nhẹ đầu năm 2015, khi giá dầu có dấu hiệu chạm đáy và hồi phục, đồng thời với việc các công ty như GAS, PVD đưa ra quyết định mua lại cổ phiếu quỹ hỗ trợ cho giá thị trường.

Cổ phiếu thuộc ngành Vật liệu đem lại tăng trưởng âm cho VF4 trong tháng 1 chủ yếu đến từ HPG, mặc dù công ty có kết quả kinh doanh ấn tượng trong năm 2014 (tăng tới hơn 60% về lợi nhuận), nhưng do lo ngại thị trường thép gặp khó khăn trong năm 2015 do giá giảm mạnh và gia tăng cạnh tranh cộng với sự thiếu hụt của phần đáng kể thu nhập không thường xuyên từ dự án Bất động sản Mandarin nên áp lực bán cổ phiếu HPG trên sàn khá lớn. VF4 cũng đã chủ động giảm tỷ trọng của HPG từ 9% cuối năm 2014 xuống còn 6,7%NAV cuối tháng 1, song vẫn không tránh khỏi tác động. Chúng tôi vẫn đánh giá HPG là doanh nghiệp hiệu quả, dẫn đầu về thị phần tiêu thụ thép trong nước, cùng các cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu, mở rộng năng lực sản xuất, hoạt động cốt lõi của HPG sẽ vẫn tăng trưởng tốt trong các năm tới.

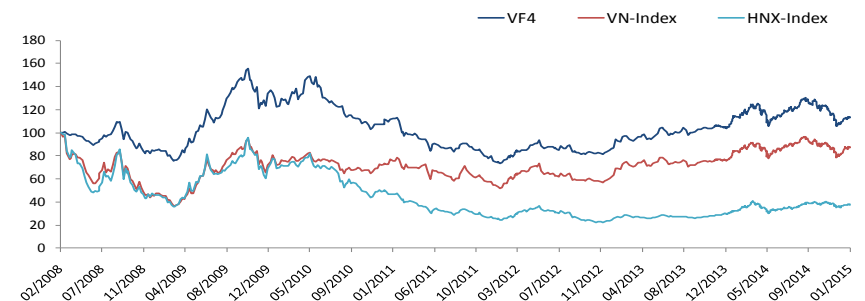
THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế 12 tháng	Lũy kế từ khi hoạt động (28/2/2008)
VFMVF4	9,309.4	3.7	(10.0)	3.7	(1.1)	13.1 (*)
VN-Index	576.1	5.6	(4.1)	5.6	3.5	(13.2)
HNX-Index	85.6	3.1	(2.8)	3.1	15.3	(62.5)

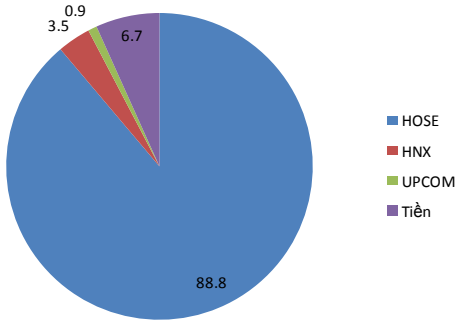
(*) Bao gồm cổ tức đã chốt trả cho nhà đầu tư

TĂNG TRƯỞNG NAV SO VỚI INDEX

28/02/2008 = 100



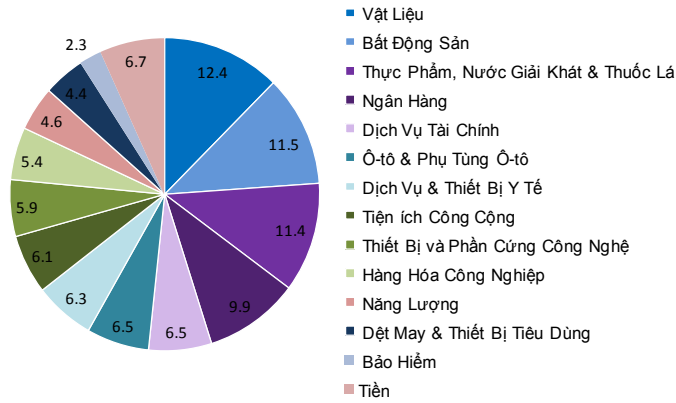
CƠ CẤU DANH MỤC THEO TÀI SẢN (%NAV)



5 CP CHIẾM TỶ TRỌNG LỚN

Cổ phiếu	Nhóm ngành	Sàn giao dịch	% NAV
VNM	Thực Phẩm, NGK & Thuốc Lá	HOSE	8.9
HPG	Vật Liệu	HOSE	6.7
JVC	Dịch Vụ & Thiết Bị Y Tế	HOSE	6.3
GAS	Tiện ích Công Cộng	HOSE	6.1
VCB	Ngân Hàng	HOSE	6.0

CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH (%NAV)



ĐẶC TRƯNG DANH MỤC ĐẦU TƯ

	VF4	VN-Index
P/E trung vị	12.7	10.7
P/E bình quân gia quyền	10.7	13.5
P/B trung vị	1.7	1.0
P/B bình quân gia quyền	1.9	1.9
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE (%)	19.0	13.7
Tỷ suất sinh lời của cổ tức (%)	3.5	4.0
Số lượng cổ phiếu	29	306

(Nguồn: VFM và Bloomberg)

CÁC GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

Tài sản đầu tư	Giới hạn
Tiền và tương đương tiền	49% TTS
Tài sản phát hành bởi nhóm công ty có quan hệ sở hữu	30% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	20% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	10% GTLH
Cổ phiếu/Trái phiếu chuẩn bị niêm yết/ĐKGD	10% TTS
Tổng hạng mục đầu tư lớn (từ 5%TTS trở lên)	40% TTS

(TTS: Tổng giá trị tài sản của Quỹ; GTLH: Tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành; ĐKGD: Đăng ký giao dịch)

CHỈ SỐ RỦI RO

	VF4	VN-Index
Hệ số Beta	1.1	1.0
Độ lệch chuẩn (%)	19.7	17.2
Hệ số Sharpe	(0.3)	(0.0)

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

QUỸ ĐẦU TƯ VFA

Tháng 01-2015

THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVFA
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VND
Ngày bắt đầu hoạt động	02/04/2010
Ngày chuyển đổi sang quỹ mở	18/4/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	HSBC Việt Nam
Đại lý chuyển nhượng	HSBC Việt Nam
Đại lý phân phối	VFM, HSC, VCSC, KIS, VDSC, FPT
Phí quản lý	Tối đa 2%/NAV/năm
Phí phát hành	Từ 0.2% - 1% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0.5% - 1.5% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0.2% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	Thứ Sáu hàng tuần (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	Tái tục đầu tư

Tổng NAV (tỷ VNĐ)	87.4
Số lượng CCQ đang lưu hành	11,885,261.7
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ)	7,901.8
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ)	7,223.4
Tỷ lệ chi phí 12 tháng (%)	2.7
Vòng quay tài sản 12 tháng (%)	147.8

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu chính của Quỹ VFMVFA là nắm bắt được xu hướng tăng trung hạn và dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam, song song với mục tiêu bảo toàn vốn khi thị trường diễn biến không thuận lợi, dựa trên mô hình đầu tư theo xu hướng (trend-following).

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

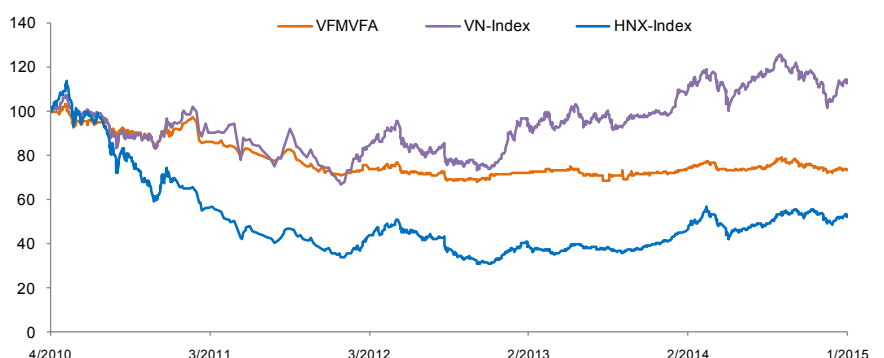
Trong tháng 01 năm 2015 thị trường cổ phiếu Việt Nam tăng và phân hóa rõ khi mà VN-Index tăng 5.6% và HNX-Index tăng 3.1% nhờ vào sự tăng giá của nhóm ngành Ngân hàng và sự hồi phục của cổ phiếu nhóm Dầu khí. Trong cùng thời điểm chỉ số VN30-Index tăng thấp hơn với 0.8%. Kết thúc tháng 01 năm 2015, NAV/CCQ của Quỹ VFMVFA đạt 7,353.7 đồng/ccq, tăng 0.5% so với tháng trước.

Trong tháng 01/2015, các chiến lược đầu tư của Quỹ đều tăng mức đầu tư trên cổ phiếu nên cơ cấu tài sản của Quỹ thay đổi đáng kể khi tỷ trọng cổ phiếu trên sàn HOSE tăng lên 48.8% NAV và còn lại 51.2% NAV Quỹ thực hiện đầu tư vào các tài sản phi rủi ro như tiền gửi kỳ hạn. Trong tháng, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ theo chiến lược không có thay đổi nhiều so với tháng trước khi chiến lược MATF trên cổ phiếu chiếm 29.5% NAV, chiến lược Chọn lọc tín hiệu chiếm 30.2% NAV, chiến lược HVTF1.0 chiếm 10.4% NAV và chiến lược HVTF1.1 chiếm 29.9% NAV.

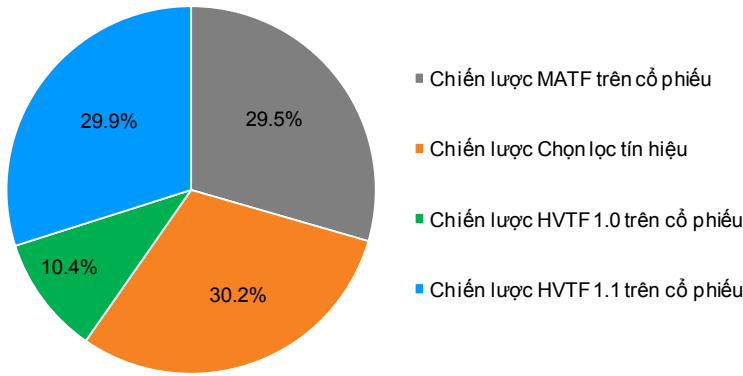
THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				Lũy kế từ khi hoạt động (02/4/2010)
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế 12 tháng	
VFMVFA	7,353.7	0.5	(3.0)	0.5	0.3	(26.5)
VN-Index	576.1	5.6	(4.1)	5.6	3.5	12.8
HNX-Index	85.6	3.1	(2.8)	3.1	15.3	(47.9)
VN30-Index	606.5	0.8	(5.0)	0.8	(2.9)	13.5

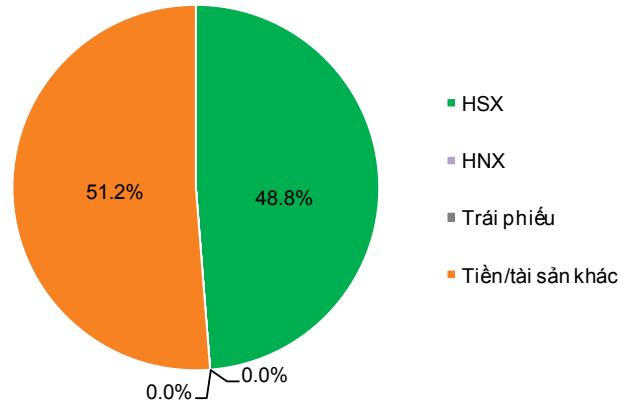
TĂNG TRƯỞNG NAV SO VỚI TĂNG TRƯỞNG INDEX 02/04/2010 = 100



CƠ CẤU DANH MỤC THEO CHIẾN LƯỢC (%NAV)



CƠ CẤU DANH MỤC THEO TÀI SẢN (%NAV)



CHỈ SỐ RỦI RO

	VFA	VN-Index
Hệ số Beta	0.3	1.0
Độ lệch chuẩn (%)	7.5	17.2
Hệ số Sharpe	(0.6)	(0.0)

CÁC GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

Tài sản đầu tư	Giới hạn
Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và công cụ thị trường tiền tệ...	49% TTS
Tài sản phát hành bởi nhóm công ty có quan hệ sở hữu	30% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	20% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	10% GTLH
Cổ phiếu/Trái phiếu chuẩn bị niêm yết/ĐKGD	10% TTS
Tổng hạng mục đầu tư lớn (từ 5%TTS trở lên)	40% TTS

(TTS: Tổng giá trị tài sản của Quỹ; GTLH: Tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành; ĐKGD: Đăng ký giao dịch)

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVFB
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VNĐ
Ngày bắt đầu hoạt động	10/06/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Deutsche Bank AG HCM
Đại lý chuyển nhượng	Deutsche Bank AG HCM
Đại lý phân phối	ABS, HSC, FPT, KIS, MSBS, VCSC, VDSC, VND, VFM
Phí quản lý	0.9%/NAV/năm
Phí phát hành	Từ 0.3% đến 0.6% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0% đến 1% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0.2% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	ngày thứ Sáu hàng tuần (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	Chia cổ tức hàng năm (khi thoả mãn các điều kiện được áp dụng)

Tổng NAV (tỷ VNĐ)	86.3
Số lượng CCQ đang lưu hành	7,176,085.1
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ)	12,031.4
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ)	10,330.5
Vòng quay tài sản trong năm (%)	736.0

Ông Trần Lê Minh - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

Ghi chú

(*) NAV của quỹ VFMVFB có biến động mạnh vào thời điểm ngày 8/8 và 26/9/2013 do thị trường xuất hiện các giao dịch với giá bất thường (mức độ chênh lệch giá lên tới 5% so với mặt bằng giá thị trường) của trái phiếu quỹ đang nắm giữ. Với phương pháp xác định NAV áp dụng trước thời điểm 1/10/2013, Quỹ VFMVFB bắt buộc phải định giá tài sản theo giá giao dịch bất thường nếu trên, NAV của quỹ sẽ không còn bị tác động bởi giá giao dịch bất thường nếu trên sau 2 tuần hoặc có các giao dịch khác xuất hiện trên thị trường. Các biến động này hoàn toàn mang tính kỹ thuật và không phản ánh chính xác tình hình hoạt động của quỹ. Sau ngày 1/10/2013, quỹ VFMVFB sẽ không bị tác động bởi các biến động bất thường tương tự.

(**) Chỉ số trái phiếu 1 năm và 2 năm do Dragon Capital Debt Management Limited thực hiện. Bản quyền thuộc về Dragon Capital Group. VFM sử dụng các chỉ số này với sự cho phép của Dragon Capital.

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu chính của Quỹ VFMVFB là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương, Trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam,...), giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

Quy mô thị trường trái phiếu đã tăng trưởng đáng kể trong năm 2014, tương đương 21,4% GDP 2014. Thị trường trái phiếu chính phủ (TPCP) và trái phiếu chính phủ bảo lãnh đạt 18,14% GDP. Quy mô thị trường TPCP năm 2104 tăng trưởng 29,56% so với năm 2013.

Sau khoảng thời gian tăng từ tháng 10 tới tháng 12/2014 của lợi suất trái phiếu các kỳ hạn, thị trường đã chứng kiến sự suy giảm lợi suất trở lại trong tháng 1/2015. TPCP kỳ hạn 5 năm có mức lợi suất suy giảm mạnh nhất trong tháng lên tới 60 điểm cơ bản, tiếp theo là kỳ hạn 10 năm giảm 45 điểm cơ bản so với thời điểm cuối tháng 12/2014. Thanh khoản thị trường thứ cấp tháng 1/2015 có sự suy giảm đáng kể so với tháng 12/2014 với giá trị giao dịch bình quân phiên đạt 2.773 tỷ đồng (giảm 32,8% so với mức 4.131 tỷ đồng/ phiên trong tháng 12/2014), sự suy giảm này do tâm lý chờ đợi công bố của Kho bạc nhà nước về kế hoạch phát hành sơ cấp năm 2015 và để xác định một xu hướng lãi suất rõ ràng hơn. Giao dịch tập trung vào kỳ hạn dưới 3 năm chiếm 55,6% giá trị giao dịch trong tháng. Trong tháng 1/2015, Kho bạc nhà nước cũng công bố kế hoạch phát hành 250 nghìn tỷ trái phiếu các kỳ hạn 5, 10 và 15 năm trong năm 2015. Mức phát hành sơ cấp này gần với mức được thị trường kỳ vọng và có khả năng sẽ tiếp tục được sửa đổi theo hướng tăng thêm vào nửa sau năm 2015.

Giá trị tài sản ròng (NAV)/chứng chỉ quỹ của Quỹ VFMVFB trong tháng 1/2015 tăng trưởng 1,39% so với tháng trước đó. Trong tháng quỹ đã thực hiện thanh lý khoản đầu tư vào TPCP kỳ hạn 3 năm (thời gian còn lại là 9 tháng) để đầu tư vào TPCP kỳ hạn 5 năm đã đóng góp đáng kể vào tăng trưởng của NAV trong tháng. Quỹ VFMVFB sẽ tiếp tục tìm các cơ hội đầu tư vào TPCP có kỳ hạn dài hơn trong thời gian tới trong điều kiện đường cong lãi suất đang có độ dốc cao.

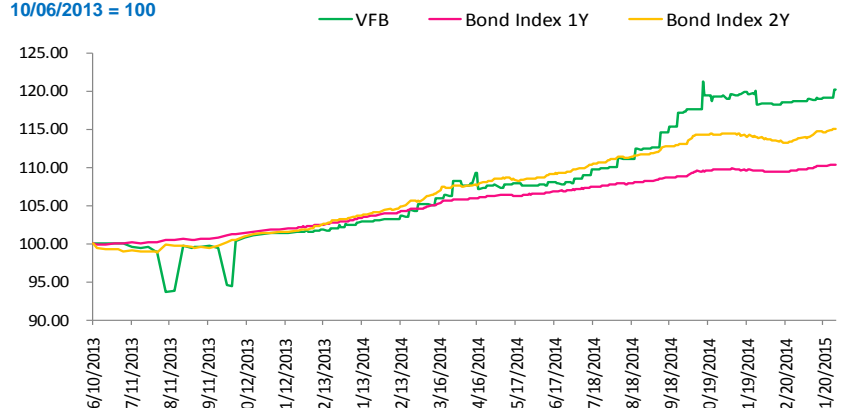
Các thông tin tóm tắt về tài chính và phân bổ tài sản của Quỹ VFMVFB tại thời điểm cuối năm 2014 được trình bày tại trang sau.

THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)			
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (10/6/2013)
VFMVFB	12,031.4	1.4	0.8	1.4	20.3
Bond-Index 1 năm	198.3	0.6	0.6	0.6	10.4
Bond-Index 2 năm	214.0	1.1	0.6	1.1	15.0

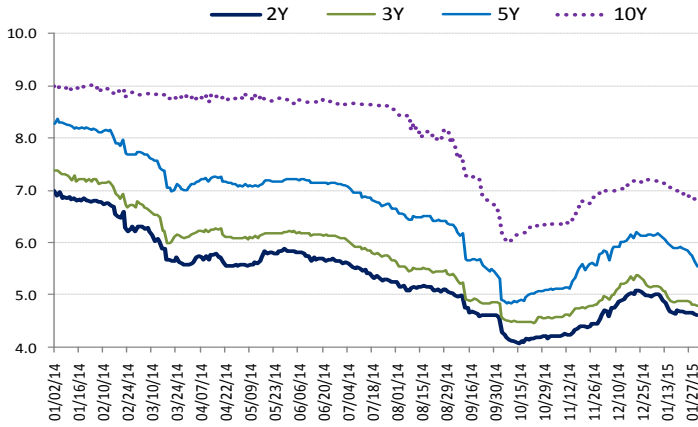
TĂNG TRƯỞNG NAV (*) SO VỚI BOND_INDEX (**)

10/06/2013 = 100

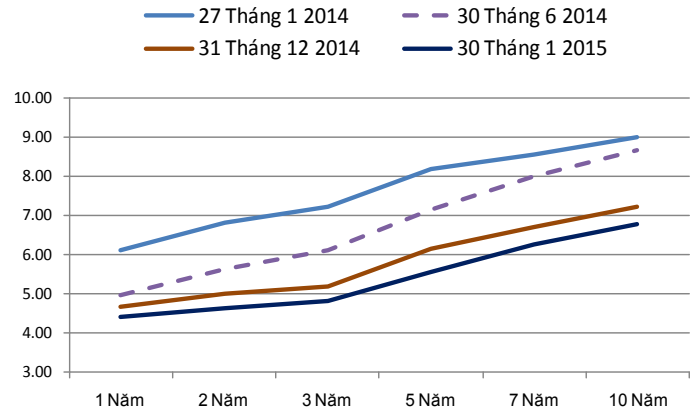


THÔNG TIN CHUNG THỊ TRƯỜNG

BIẾN ĐỘNG LỢI SUẤT CÁC KỲ HẠN CỦA TPCP Năm 2014 và Tháng 1/2015



ĐƯỜNG CONG LÃI SUẤT



TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG QUỸ VFMVFB

MỘT SỐ CHỈ TIÊU	Từ 1/1/2014 tới 31/12/2014	Từ 10/6/2013 tới 31/12/2013
Vốn điều lệ (đồng)	99.574.822.600	99.574.822.600
Giá trị tài sản ròng tại 31 tháng 12 (đồng)	85.144.431.750	73.265.782.705
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại 31 tháng 12	7.175.245,67	7.145.780,29
Giá trị tài sản ròng trên đơn vị quỹ tại ngày 31 tháng 12 (đồng)	11.866,4	10.253,01
Giá trị tài sản ròng trên đơn vị quỹ cao nhất trong 12 tháng (đồng)	11.983,2	10.253,01
Giá trị tài sản ròng trên đơn vị quỹ thấp nhất trong 12 tháng (đồng)(*)	10.256,1	9.369,3
Chi phí hoạt động quỹ (% giá trị tài sản ròng bình quân)**	2,22	2,49
Vòng quay danh mục đầu tư (%)(***)	248,76	221,56
Tăng trưởng NAV/ccq trong năm hoạt động (%)	15,74	2,53
Tăng trưởng NAV/ccq từ khi bắt đầu hoạt động (%)(****)	18,66	2,53

Ghi chú

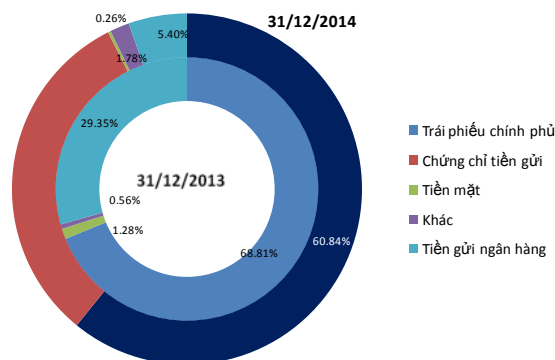
(*) Giá trị tài sản ròng trên đơn vị quỹ thấp nhất trong năm 2013 không phản ánh chính xác giá trị thực tế trên mỗi đơn vị chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (ngày 9/8/2013) do việc định giá trái phiếu đang nắm giữ trong danh mục tại thời điểm trên được thực hiện theo giá giao dịch bất thường trên thị trường tuân thủ theo các quy định tại số tay định giá của quỹ. Tuy nhiên giá giao dịch sử dụng để định giá không phản ánh đúng mật bảng giá thị trường của trái phiếu tại thời điểm định giá do tác động bất thường của tính chất giao dịch. Sau ngày 1 tháng 11 2013, điều khoản về định giá trái phiếu trong Sổ tay định giá quỹ VFMVFB đã được Ban đại diện quỹ sửa đổi để đảm bảo loại trừ trường hợp nêu trên và phản ánh chính xác giá trị thị trường của các tài sản đầu tư.

(**) Chi phí của quỹ năm 2014 giảm so với năm 2013 do năm 2013 phát sinh chi phí bất thường để tổ chức đại hội thành lập quỹ theo luật định.

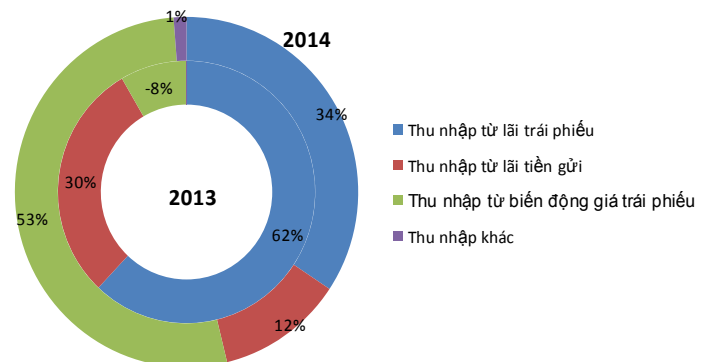
(***) Vòng quay của quỹ trong giai đoạn từ 1/1/2014 cho tới 31/12/2014 là 240,9% cho thấy quỹ đã tuân thủ chiến lược đầu tư năng động với việc tăng cường mua và thanh toán các trái phiếu đầu tư tại các thời điểm phù hợp để tìm kiếm lợi nhuận cho quỹ.

(****) Quỹ VFMVFB bắt đầu hoạt động từ ngày 10 tháng 6 năm 2013. Tăng trưởng bình quân cho giai đoạn từ khi hoạt động tới ngày 31/12/2014 sẽ là 11,97%/năm.

PHÂN BỐ TÀI SẢN (%NAV)



CƠ CẤU THU NHẬP



KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

ETF VFMVN30

Tháng 01 - 2015

THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	ETF VFMVN30
Mã giao dịch	E1VFMVN30
Mã trên Bloomberg	E1VFMVN30 VN Equity
Sàn niêm yết	HOSE
Loại hình quỹ	Quỹ hoán đổi danh mục
Chỉ số tham chiếu	VN30-Index
Tiền tệ	VNĐ
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Standard Chartered Bank VN
Đại lý chuyển nhượng	Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)
Đơn vị cung cấp chỉ số	Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)
Thành viên lập quỹ	HSC, BVSC, TVSI, ACBS
Lô chứng chỉ quỹ ETF	1 (một) lô ETF tương ứng với 100.000 chứng chỉ quỹ ETF.
Tần suất giao dịch hoán đổi	Hàng ngày
Phí quản lý	0.65%/NAV/năm
Phí phát hành	Miễn phí
Phí mua lại	Từ 0% đến 0.15%
Phân phối lợi nhuận	Hàng năm

Tổng giá trị tài sản ròng (tỷ VNĐ)	188.6
Số lượng CCQ đang lưu hành	20,200,000
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ)	10,254.5
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ)	8,828.2
Tỷ lệ chi phí bình quân năm (%)	1.53
Mức sai lệch sv chỉ số tham chiếu (%)	0.58

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số tham chiếu VN30 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30 là chỉ số giá (price index) do Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.

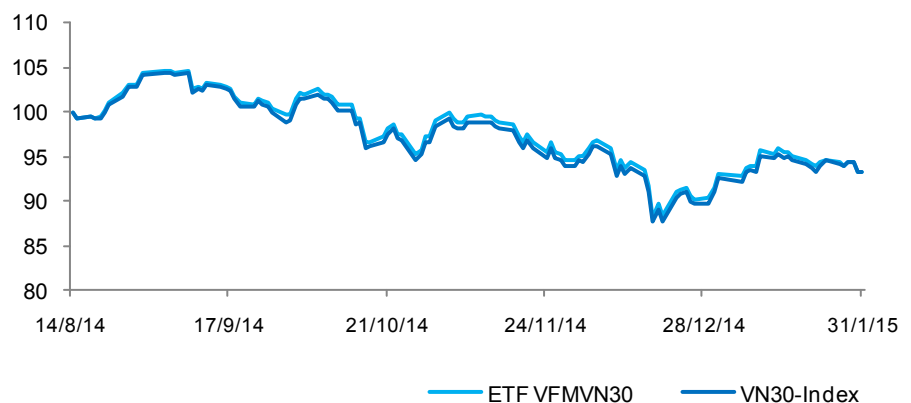
Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VN30 có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VN30 về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Giá trị danh mục đầu tư của Quỹ thông thường không thấp hơn 95% giá trị danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu VN30.

THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

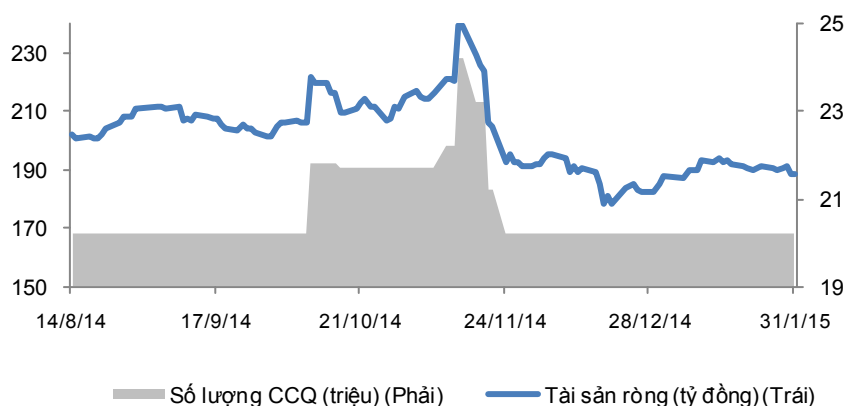
	NAVCCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				Lũy kế từ khi kết thúc đăng ký góp vốn (14/8/2014)
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế 12 tháng	
ETF VFMVN30	9,337.1	0.3	(5.7)	0.3	NaN	(6.6)
VN30-Index	606.5	0.8	(5.0)	0.8	(2.9)	(6.7)

NAV ETF VFMVN30 VÀ CHỈ SỐ THAM CHIẾU

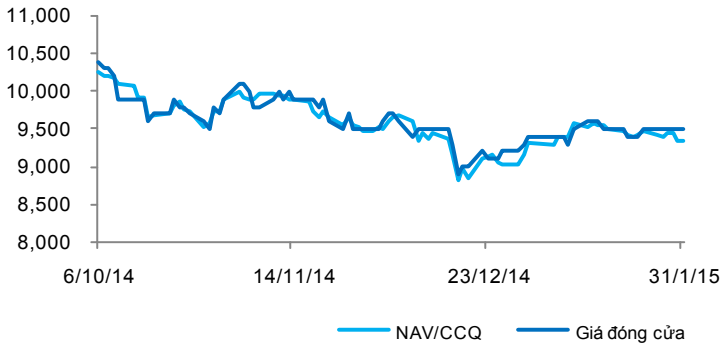
14/08/2014 = 100



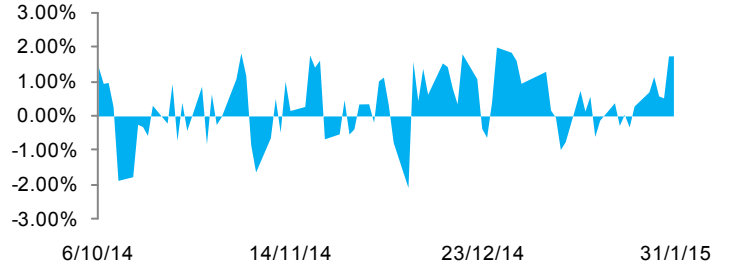
TÀI SẢN RÒNG VÀ SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ



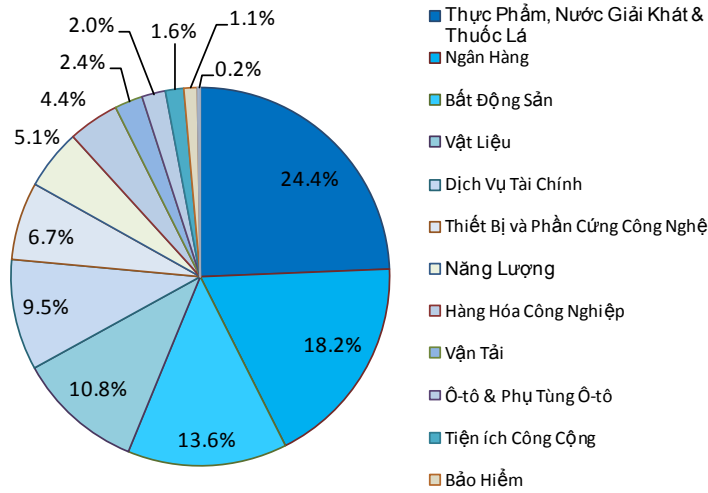
NAV/CCQ VÀ GIÁ ĐÓNG CỬA



MỨC CHÊNH LỆCH GIÁ VÀ NAV (+/-)



PHÂN BỐ TÀI SẢN (%NAV)



CHỈ SỐ CƠ BẢN

	ETF VFMVN30
Tỷ suất sinh lời cổ tức (%)	3.0
Hệ số P/E	11.5
Hệ số P/B	1.8
Số lượng cổ phiếu	30

CHỈ SỐ RỦI RO

	ETF VFMVN30
Hệ số Beta so với VN-Index	0.9
Độ biến động bình quân năm (%)	16.4
Tỷ lệ Sharpe	NA

DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

Cổ phiếu	Số lượng	Giá trị (tỷ đồng)	% NAV	Sở hữu nước ngoài/room	Cổ phiếu	Số lượng	Giá trị (tỷ đồng)	% NAV	Sở hữu nước ngoài/room
VNM	191,900	20.0	10.6%	100.0%	FLC	288,860	3.0	1.6%	18.3%
VIC	406,020	19.5	10.3%	32.7%	GMD	94,940	2.8	1.5%	100.0%
MSN	226,240	19.0	10.1%	72.2%	ITA	345,420	2.6	1.4%	31.8%
STB	874,660	16.6	8.8%	20.2%	HSG	60,600	2.6	1.4%	93.6%
HPG	276,740	13.2	7.0%	88.3%	DRC	40,400	2.4	1.3%	76.7%
FPT	264,620	12.6	6.7%	100.0%	HVG	109,080	2.3	1.2%	42.2%
VCB	254,520	9.1	4.8%	69.6%	BVH	62,620	2.2	1.1%	48.8%
HAG	416,120	9.0	4.8%	65.4%	PPC	76,760	2.0	1.0%	34.0%
MBB	610,040	8.7	4.6%	100.0%	CII	92,920	1.7	0.9%	96.9%
PVD	145,440	8.4	4.4%	81.1%	HCM	48,480	1.5	0.8%	100.0%
SSI	236,340	6.2	3.3%	73.3%	CSM	32,320	1.4	0.7%	53.2%
REE	167,660	4.8	2.5%	100.0%	PVT	98,980	1.3	0.7%	27.0%
KDC	101,000	4.7	2.5%	56.9%	OGC	185,840	1.1	0.6%	17.6%
DPM	145,440	4.5	2.4%	48.8%	VSH	68,680	1.0	0.5%	50.8%
KBC	206,040	3.2	1.7%	47.9%	IJC	62,620	0.8	0.4%	29.5%

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.



VIETFUND
MANAGEMENT

HEAD OFFICE

Suite 1701-04, 17th Floor, Melinh Point Tower
2, Ngo Duc Ke, District 1, HCMC
Tel: +84 8 3825 1488 | Fax: +84 8 3825 1489
Hotline. +84 8 3825 1480

BRANCH OFFICE IN HA NOI

Room 5A2, Level 5A, BIDV Tower, 194 Tran Quang Khai Street
Hoan Kiem District, Hanoi
Tel: +84 4 3942 8168 | Fax: +84 4 3942 8169

www.vinafund.com